

Số: 67 /NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

CÔNG AN TỈNH QUẢNG NGÃI	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày:.....
	Chuyên:.....
	Số và ký hiệu HS:.....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định danh mục dịch vụ sự
nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng
Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm:

1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.
2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
3. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực y tế - dân số.
4. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông.
5. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.
6. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

7. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường.

8. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực hoạt động kinh tế và sự nghiệp khác.

(Chi tiết danh mục tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

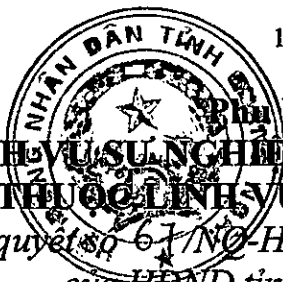
Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PC(2).nnkd.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân



Phụ lục I
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022
của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp
I	Dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông
1	Dịch vụ giáo dục mầm non
1.1	Các dịch vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em từ 3 tháng đến 6 tuổi.
1.2	Dịch vụ chăm sóc dinh dưỡng; chăm sóc giấc ngủ, chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn.
1.3	Hoạt động chơi; hoạt động học; hoạt động lao động; hoạt động ngày hội, ngày lễ.
1.4	Hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong nhà trường.
1.5	Hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em cho các cha mẹ và cộng đồng.
2	Dịch vụ giáo dục phổ thông
2.1	Giáo dục tiểu học được thực hiện trong 5 năm học, từ lớp một đến lớp năm.
	- Hoạt động dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
	- Hoạt động giáo dục trải nghiệm bao gồm: hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa, các hoạt động xã hội khác.
2.2	Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong 4 năm học, từ lớp sáu đến lớp chín. Học sinh vào lớp sáu phải hoàn thành chương trình tiểu học.
	- Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
	- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm: Các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường, hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh.
2.3	Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong 3 năm học, từ lớp mười đến lớp mười hai. Học sinh vào lớp mười phải hoàn thành chương trình trung học cơ sở.
	- Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp
	cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
	- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm: Các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường, hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh.
2.4	Giáo dục chuyên biệt.
	- Hoạt động giáo dục trong trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú.
	- Hoạt động giáo dục trong trường chuyên, trường năng khiếu.
	- Hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trong cơ sở giáo dục.
II	Dịch vụ cao đẳng sư phạm
	Đào tạo trình độ cao đẳng sư phạm
III	Dịch vụ giáo dục đại học
1	Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ 4 đến 4,5 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 2,5 đến 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành; từ 1,5 đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành; đào tạo văn bằng 2
2	Đào tạo trình độ đại học đối với các ngành sư phạm
3	Vừa làm vừa học (là hình thức đào tạo theo các lớp học, khóa học tại cơ sở giáo dục đại học hoặc cơ sở liên kết đào tạo, phù hợp với yêu cầu của người học để thực hiện chương trình đào tạo ở trình độ đại học).
IV	Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
V	Dịch vụ giáo dục thường xuyên
1	Chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.
2	Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.
3	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bao gồm: Chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học ứng dụng, công nghệ thông tin - truyền thông; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ; chương trình dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức công tác tại vùng dân tộc theo kế hoạch hằng năm của địa phương.

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp
4	Chương trình giáo dục thuộc chương trình đề cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân
5	Chương trình dạy và thực hành kỹ thuật nghề nghiệp, các hoạt động lao động sản xuất và các hoạt động khác phục vụ học tập.
6	Hoạt động học tập trong các trung tâm học tập cộng đồng
VI	Nhóm dịch vụ khác
1	Kiểm định chất lượng giáo dục
2	Cấp phát các loại phôi văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3	Công nhận văn bằng, chứng chỉ.
4	Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục



Phụ lục II
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022
của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp
I	Dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp các ngành
1	Gia công và lắp dựng kết cấu thép
2	Rèn, dập
3	Vận hành máy đóng cọc và khoan cọc nhồi
4	Cốt thép - hàn
5	Bảo vệ môi trường công nghiệp
6	Xử lý nước thải công nghiệp
7	Công nghệ thông tin
8	Công nghệ ô tô
9	Điện công nghiệp
10	Cơ điện tử
11	Máy thời trang
12	Kế toán doanh nghiệp
13	Tin học văn phòng
14	Quản trị mạng máy tính
15	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
16	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí
17	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
20	Điện tử dân dụng
21	Tự động hóa công nghiệp
22	Thú y
23	Chăn nuôi gia súc, gia cầm
24	Điều dưỡng
25	Hộ sinh
26	Dược
27	Kỹ thuật xét nghiệm y học
28	Điện tử công nghiệp
29	Điện dân dụng
30	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh
31	Kỹ thuật chế biến món ăn
32	Quản trị khách sạn
II	Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng
1	Đào tạo để sát hạch cấp phép lái xe hạng B2
2	Đào tạo để sát hạch cấp phép lái xe hạng C
3	Vận hành xe nâng hàng
4	Vận hành thiết bị nâng

5	Vận hành cần trục
6	Vận hành máy công trình
7	Vận hành bình chịu áp lực
8	Vận hành nồi hơi
9	Vận hành máy công nghệ cao
10	Hàn công nghệ cao
11	Hàn hơi
12	Hàn điện
13	Tiện, phay, bào
14	Sửa chữa điện - điện lạnh ô tô
15	Sửa chữa máy nông nghiệp
16	Sửa chữa điện công nghiệp
17	Lắp đặt điện nội thất
18	Điện tử công nghiệp
19	Điện lạnh công nghiệp
20	Tin học kế toán
21	Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính
22	May công nghiệp
23	Vệ sinh công nghiệp
24	Kỹ thuật lắp dựng giàn giáo
25	Kỹ thuật sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao
26	Kỹ thuật trồng cây ăn quả
27	Kinh doanh và quản lý
28	Du lịch và khách sạn
III	Dịch vụ đào tạo nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
1	Chế tạo thiết bị cơ khí
2	Cắt gọt kim loại
3	Gò
4	Hàn
5	Công nghệ hóa nhuộm
6	Sửa chữa thiết bị hóa chất
7	Sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí
8	Vận hành cần, cầu trục
9	Vận hành máy thi công nền
10	Vận hành máy thi công mặt đường
11	Vận hành máy xây dựng
12	Vận hành, sửa chữa máy tàu cá
13	Kỹ thuật lò hơi
14	Bảo vệ thực vật
15	Kỹ thuật xây dựng



Phụ lục III
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 7/NQ-ĐHND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của
ĐHND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp
I	Dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu
1	Dịch vụ tiêm chủng mở rộng đối với trẻ em, phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc đối với bệnh nhân truyền nhiễm thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng
2	Dịch vụ tiêm chủng mở rộng đối với những người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm tại các vùng có dịch và đến vùng có dịch bắt buộc phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế đối với các bệnh có vắc xin, sinh phẩm phòng bệnh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
3	Dịch vụ tiêm chủng đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đến vùng có dịch
4	Các dịch vụ phục vụ công tác giám sát, điều tra, xác minh xử lý dịch
5	Các dịch vụ xử lý y tế (sử dụng các biện pháp sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế, cách li y tế, tùy uế, diệt các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh và các biện pháp y tế khác) để cắt đứt nguồn lây tại khu vực nơi có bệnh hoặc ổ bệnh truyền nhiễm
6	Quản lý, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại trạm y tế xã, phường
7	Các dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát các điều kiện về vệ sinh lao động, môi trường làm việc của người lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích, xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường
8	Các dịch vụ kiểm dịch y tế quốc tế, y tế dự phòng
9	Các dịch vụ về khám, theo dõi sức khỏe định kì cho trẻ em và phụ nữ mang thai, chăm sóc sức khỏe ban đầu, tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, tư vấn chăm sóc sức khỏe trẻ vị thành niên, sức khỏe tình dục phù hợp với độ tuổi trẻ em
II	Dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng
1	Chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị người bệnh phong, tâm thần, HIV/AIDS giai đoạn cuối tại các cơ sở y tế
2	Khám và điều trị người mắc bệnh dịch thuộc nhóm A và một số bệnh thuộc nhóm B đang lưu trú tại vùng có dịch bệnh, người đang bị áp dụng các biện pháp cách li y tế nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm theo qui định
3	Cấp cứu, điều trị người bị thiên tai, thảm họa theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
4	Khám và điều trị ARV cho người nhiễm HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

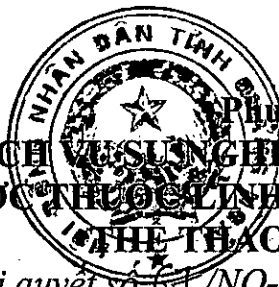
TT	Tên dịch vụ sự nghiệp
5	Khám sức khỏe, chi phí điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho các đối tượng tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trong cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, trại tạm giam
6	Khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadol theo qui định của pháp luật
7	Khám và điều trị bệnh lao theo qui định của pháp luật
8	Các dịch vụ khám, chữa bệnh trường hợp chưa tính đủ chi phí để thực hiện các dịch vụ, nhà nước phải bảo đảm các chi phí chưa tính trong giá dịch vụ
III	Dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định
1	Các dịch vụ lấy mẫu kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm, kiểm định vắc xin, sinh phẩm y tế (bao gồm chi phí mua, vận chuyển, bảo quản mẫu) theo quyết định của cấp có thẩm quyền để phục vụ công tác quản lý nhà nước (thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa)
IV	Dịch vụ giám định
1	Các dịch vụ giám định y khoa
2	Các dịch vụ giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần
V	Dịch vụ do nhà nước bảo đảm theo các chương trình mục tiêu
1	Các dịch vụ phục vụ công tác phòng, chống các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và bệnh tật học đường
2	Cung cấp dinh dưỡng và thực phẩm cho một số đối tượng theo quyết định của cấp có thẩm quyền
3	Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phụ nữ có thai cho một số đối tượng theo qui định của cấp có thẩm quyền
4	Các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, cùng các biện pháp tránh thai cho một số đối tượng theo qui định của cấp có thẩm quyền
5	Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân cho một số đối tượng có nguy cơ theo qui định của Bộ Y tế
6	Các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cho một số đối tượng theo qui định của cấp có thẩm quyền
VI	Các dịch vụ y tế khác
1	Dịch vụ truyền thông, giáo dục sức khỏe về: phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm và bệnh chưa rõ nguyên nhân; phòng, chống bệnh nghề nghiệp; phòng, chống tai nạn thương tích; nâng cao sức khỏe; dinh dưỡng cộng đồng; an toàn thực phẩm và các yếu tố có hại đến sức khỏe và môi trường sống; sức khỏe trường học và phòng, chống bệnh tật học đường
2	Các dịch vụ truyền thông giáo dục, tư vấn nâng cao nhận thức của người dân về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, giảm tỉ lệ chênh lệch giới tính khi sinh, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, giảm tỉ lệ người chưa thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp
	muốn
3	Các dịch vụ chỉ đạo tuyến, nâng cao năng lực cho tuyến dưới
4	Các dịch vụ phục vụ sinh hoạt của người đang bị áp dụng các biện pháp cách ly y tế nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm theo qui định của pháp luật
5	Dịch vụ chế máu và các chế phẩm máu trong khi chưa được tính đủ chi phí



Phụ lục IV
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
(Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022
của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp
I	Dịch vụ báo chí, xuất bản và thông tin cơ sở
1	Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội
2	Thông tin tuyên truyền phục vụ hội nhập quốc tế
II	Dịch vụ công nghệ thông tin
1	Quản lý, vận hành trực liên thông kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung tỉnh
2	Quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh
3	Quản lý, vận hành Trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh



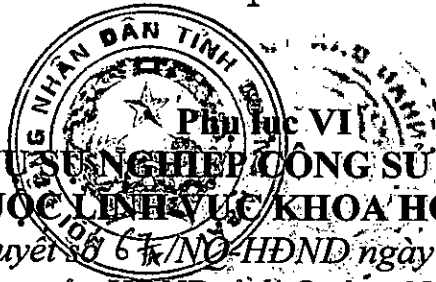
Phụ lục V
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, GIA ĐÌNH,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022
của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp
I	Dịch vụ văn hóa
1	Tổ chức chương trình nghệ thuật phục vụ kỷ niệm những ngày lễ lớn; ngày sinh của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đồng chí lãnh đạo tiên bối tiêu biểu; năm mất của các danh nhân đã được Đảng, Nhà nước công nhận; phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại ở trong nước.
2	Sưu tầm, bảo tồn, truyền dạy, phát huy các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của các dân tộc tỉnh Quảng Ngãi.
3	Tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, cổ động trực quan phục vụ nhiệm vụ chính trị.
4	Hỗ trợ đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ dân gian trên địa bàn được cử tham gia các sự kiện văn hóa ngoài tỉnh, khu vực và toàn quốc.
5	Tổ chức sáng tác tác phẩm tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, tác phẩm nghệ thuật tham gia các cuộc thi, liên hoan, hội thi, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.
6	Tổ chức triển lãm, thi, liên hoan tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị.
7	Tổ chức các chương trình văn hóa nghệ thuật, ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại huyện đảo.
8	Bảo tồn, phục dựng, tái hiện và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; sưu tầm, bảo quản, trưng bày giới thiệu các tài liệu, hiện vật văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào các dân tộc tỉnh Quảng Ngãi.
9	Hỗ trợ các hoạt động sáng tác của văn nghệ sỹ nhằm khuyến khích các tài năng sáng tạo, góp phần hình thành các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật tại các trại sáng tác phục vụ nhiệm vụ chính trị.
10	Hỗ trợ hoạt động sáng tạo và phổ biến, phát hành tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật, tác phẩm báo chí chất lượng cao ở trung ương và địa phương.
11	Phát hành phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp
12	Hoạt động sưu tầm, kiểm kê, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày, giáo dục, truyền thông của bảo tàng công lập.
13	Hoạt động bảo vệ, kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng, sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản và phát huy giá trị di tích.
14	Tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích đã được kiểm kê, xếp hạng.
15	Thăm dò, khai quật khảo cổ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học.
16	Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.
17	Nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, số hóa và phát huy giá trị di sản tư liệu
18	Giám định tài liệu, di vật, cổ vật phục vụ công tác quản lý và các hoạt động của bảo tàng.
19	Xây dựng cơ sở dữ liệu, bộ máy tra cứu, lập báo cáo các loại dữ liệu về di tích và bảo tồn di tích.
20	Xây dựng, xử lý, bảo quản tài nguyên thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống tra cứu thông tin tại thư viện.
21	Kiểm kê, đăng ký, lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.
22	Cung cấp tài nguyên thông tin tại thư viện và phục vụ lưu động ngoài thư viện, phục vụ người khuyết tật.
23	Hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và dịch vụ học tập, nghiên cứu cho hệ thống thư viện công cộng trong tỉnh.
24	Tổ chức sự kiện, biên soạn thư mục, trưng bày, triển lãm, tuyên truyền, giới thiệu sách, báo, tư liệu kỷ niệm các ngày Lễ lớn, sự kiện lịch sử của đất nước và của địa phương.
25	Tổ chức dịch vụ thư viện lưu động, luân chuyển tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại huyện đảo.
26	Sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu cổ, quý hiếm, các bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học.
27	Hỗ trợ thông tin yêu cầu phục vụ nghiên cứu, quản lý chuyên biệt; Tổ chức các sự kiện văn hóa phục vụ học tập suốt đời và các hoạt động phát triển văn hóa đọc.
28	Phát triển thư viện số, tài nguyên thông tin dùng chung, tài nguyên thông tin mở, liên thông thư viện trong nước và nước ngoài.
II	Dịch vụ gia đình
1	Hỗ trợ các hoạt động của các mô hình về phòng, chống bạo lực gia đình
III	Dịch vụ thể dục, thể thao
1	Tổ chức Đại hội thể dục thể thao các cấp (tổ chức khai mạc Đại hội và tổ chức các môn thi đấu).

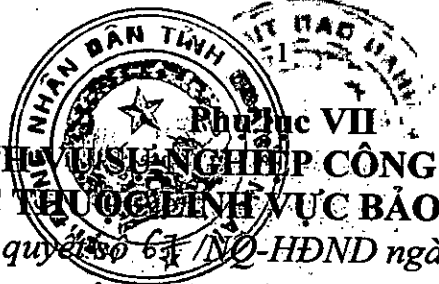
STT	Tên dịch vụ sự nghiệp
2	Tổ chức các giải thi đấu thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh và toàn quốc do Quảng Ngãi đăng cai.
3	Tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao các cấp.
4	Phòng chống doping trong hoạt động thể thao.
5	Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho hướng dẫn viên, công tác viên thể dục, thể thao.
6	Bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, thể thao đặc thù.
IV	Dịch vụ du lịch
1	Xúc tiến, quảng bá du lịch ở trong nước và ngoài nước.
2	Phát triển thương hiệu du lịch quốc gia và địa phương.
3	Tổ chức, tham gia các sự kiện du lịch quy mô liên vùng, quốc gia.
4	Bảo vệ, tôn tạo, phát triển giá trị tài nguyên du lịch.
5	Tổ chức thông tin hỗ trợ khách du lịch và phát triển du lịch cộng đồng.
6	Tổ chức khảo sát, thu thập dữ liệu, tài liệu, điều tra tài nguyên du lịch, thị trường du lịch.
V	Dịch vụ khác
1	Đào tạo nguồn nhân lực tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể thao.
2	Đào tạo nhân lực các ngành hiếm, chuyên sâu, chất lượng cao, khó tuyển và truyền thống, đặc thù thuộc các trình độ trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.
3	Đào tạo nhân lực chuyên sâu, chất lượng cao trong lĩnh vực du lịch, thể thao.
4	Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng liên quan thuộc các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.



**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỰ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022
của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp
I	Dịch vụ hoạt động khoa học công nghệ
1	Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo



Phụ lục VII
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022
của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp
I	Dịch vụ môi trường
1	Dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng
2	Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt
3	Quan trắc, giám sát, phân tích và đánh giá chất lượng môi trường
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường; vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.



Phụ lục VIII
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC THUỘC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC
(Kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022
của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp
A	Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn
1	Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt
1.1	Điều tra, quy hoạch lĩnh vực trồng trọt
1.2	Thống kê thuộc lĩnh vực trồng trọt
1.3	Thu thập, bảo quản mẫu chuẩn giống trồng trọt
2	Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi
2.1	Điều tra, quy hoạch lĩnh vực chăn nuôi
2.2	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi
2.3	Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi
2.4	Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực chăn nuôi
3	Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật
3.1	Điều tra lĩnh vực bảo vệ thực vật
3.2	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật
3.3	Phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu
3.4	Giám định sinh vật gây hại lạ, sinh vật là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam
3.5	Kiểm định các chỉ tiêu an toàn thực phẩm nguồn gốc thực vật nhập khẩu
3.6	Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất
3.7	Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh
3.8	Thống kê thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật
4	Dịch vụ thú y
4.1	Điều tra lĩnh vực thú y
4.2	Chẩn đoán thú y, thẩm định an toàn dịch bệnh

4.3	Thống kê thuộc lĩnh vực thú y
4.4	Đánh giá an toàn dịch bệnh
5	Dịch vụ lĩnh vực thủy sản
5.1	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy sản
5.2	Thông tin, thống kê, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản
5.3	Hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản xuất nhập khẩu
6	Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp
6.1	Bảo vệ và phát triển rừng
6.2	Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng
6.3	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
6.4	Thống kê, kiểm kê thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
6.5	Bảo tàng, bảo quản mẫu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
7	Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi
7.1	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
7.2	Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông
7.3	Duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các công trình thủy lợi, đề điều, phòng chống thiên tai nước sạch nông thôn
8	Dịch vụ lĩnh vực phòng chống thiên tai
8.1	Thu thập số liệu, phân tích để dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai
8.2	Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
8.3	Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
8.4	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
9	Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng
	Điều tra lĩnh vực quản lý chất lượng
10	Dịch vụ khác

10.1	Thông kê các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp
10.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu và duy trì, phát triển Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10.3	Thông tin, truyền thông của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
10.4	Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, dự án
10.5	Hoạt động xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản
10.6	Điều tra, quy hoạch các lĩnh vực phát triển nông thôn và chế biến
B	Hoạt động kinh tế giao thông vận tải
1	Dịch vụ lĩnh vực đường bộ
1.1	Dịch vụ quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
1.2	Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay
1.3	Dịch vụ bảo trì hệ thống điện chiếu sáng công cộng
1.4	Dịch vụ quản lý, bảo trì hệ thống điện, công trình báo hiệu giao thông đường bộ
2	Dịch vụ lĩnh vực đường thủy nội địa
2.1	Dịch vụ quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
C	Hoạt động kinh tế xây dựng
1	Lập các đồ án quy hoạch theo phân cấp
D	Lĩnh vực sự nghiệp Lao động, Thương binh và Xã hội
1	Dịch vụ về việc làm
1.1	Danh mục thuộc Dịch vụ tư vấn việc làm, giới thiệu việc làm
a)	Dịch vụ tư vấn việc làm
	Người lao động
	Người khuyết tật
	Người dân tộc thiểu số
	Người sử dụng lao động
b)	Dịch vụ tư vấn chính sách lao động việc làm
	Người lao động
	Người khuyết tật
	Người dân tộc thiểu số
	Người sử dụng lao động
c)	Dịch vụ tư vấn học nghề
	Người lao động
	Người khuyết tật

	Người dân tộc thiểu số
	Người sử dụng lao động
d)	Giới thiệu việc làm trong nước
	Người lao động
	Người khuyết tật
	Người dân tộc thiểu số
e)	Giới thiệu lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài
	Người lao động
	Người dân tộc thiểu số
1.2	Danh mục thuộc Dịch vụ thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động gồm: Thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo thị trường lao động, kết nối thị trường lao động
a)	Dịch vụ thu thập thông tin người tìm việc
	Thu thập thông tin trực tiếp của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
	Thu thập thông tin qua website, trang mạng xã hội của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
	Tại các phiên giao dịch việc làm
	Tại hộ gia đình
b)	Dịch vụ thu thập thông tin việc làm trống
	Thu thập thông tin trực tiếp của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
	Thu thập thông tin qua website, trang mạng xã hội của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
	Tại các phiên giao dịch việc làm
	Tại doanh nghiệp
c)	Dịch vụ kết nối thị trường lao động (Sàn giao dịch việc làm)
	Phiên giao dịch cố định
	Phiên giao dịch lưu động (tại các huyện)
1.3	Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho lao động là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng; người cần nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ theo yêu cầu của nước tiếp nhận lao động thuộc dự án, chương trình hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và nước tiếp nhận lao động.
a)	Người dân tộc thiểu số
b)	Người thuộc hộ nghèo
c)	Người thuộc hộ cận nghèo

d)	Người lao động
1.4	Danh mục thuộc Dịch vụ cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, trừ đối tượng thuộc bảo hiểm thất nghiệp chi trả
a)	Cung ứng lao động trong nước
	Người lao động
	Người khuyết tật
	Người dân tộc thiểu số
b)	Cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài
	Người lao động
	Người dân tộc thiểu số
2	Dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em; dịch vụ xã hội trong cơ sở bảo trợ xã hội
2.1	Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em
a)	Trẻ em bình thường, trẻ em khuyết tật, tâm thần dưới 04 tuổi
b)	Trẻ em khuyết tật, tâm thần từ 04 tuổi trở lên
c)	Trẻ em bình thường học mầm non- Tiểu học (từ 4 tuổi - 11 tuổi)
d)	Trẻ em bình thường bậc THCS trong độ tuổi (từ 12 tuổi -15 tuổi)
e)	Trẻ em bình thường bậc PTTH, Đại học, học nghề trong độ tuổi (từ 16 tuổi - 22 tuổi)
f)	Trẻ em bình thường bậc THCS trong độ tuổi (từ 12 tuổi -15 tuổi)
g)	Trẻ em bình thường bậc PTTH, Đại học, học nghề trong độ tuổi (từ 16 tuổi - 22 tuổi)
2.2	Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng người cao tuổi
a)	Người già cô đơn tự phục vụ được trong sinh hoạt
b)	Người già cô đơn không tự phục vụ được trong sinh hoạt
2.3	Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng người tâm thần
a)	Người tâm thần đặc biệt nặng
b)	Người tâm thần nặng
c)	Người tâm thần đã phục hồi ổn định
2.4	Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng người lang thang, ăn xin
a)	Người lang thang, ăn xin tự phục vụ trong sinh hoạt (đối tượng nam)
b)	Người lang thang, ăn xin tự phục vụ trong sinh hoạt (nữ)
2.5	Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí
2.6	Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em, trẻ khuyết tật (tự nguyện)
2.7	Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng người cao tuổi, người khuyết tật (tự nguyện)

3	Dịch vụ phòng, chống tệ nạn xã hội
3.1	Dịch vụ cai nghiện ma túy bắt buộc
3.2	Dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
4	Dịch vụ chăm sóc người có công
4.1	Dịch vụ Điều dưỡng luân phiên người có công và thân nhân liệt sĩ
4.2	Dịch vụ Nuôi dưỡng người có công và thân nhân không tự phục vụ được trong sinh hoạt
4.3	Dịch vụ Nuôi dưỡng người có công và thân nhân tự phục vụ được trong sinh hoạt
5	Dịch vụ khác
5.1	Dịch vụ chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
5.2	Dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc nuôi dưỡng tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
Đ	Lĩnh vực tư pháp
1	Dịch vụ hỗ trợ thông tin về trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý
2	Dịch vụ tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý
3	Dịch vụ tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý
4	Dịch vụ đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền
E	Lĩnh vực sự nghiệp khác
1	Dịch vụ bảo quản tài liệu lưu trữ
1.1	Vệ sinh kho bảo quản tài liệu lưu trữ; sắp xếp, vệ sinh tài liệu lưu trữ nền giấy; duy trì nhiệt độ, độ ẩm trong kho lưu trữ
1.2	Khử trùng, khử axit, chống mối mọt tài liệu lưu trữ
1.3	Tu bổ, bồi nền, phục chế tài liệu lưu trữ
1.4	Lập bản sao bảo hiểm tài liệu lưu trữ
2	Dịch vụ tổ chức tài liệu lưu trữ
2.1	Thu thập hồ sơ, tài liệu đến hạn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử của tỉnh
2.2	Chỉnh lý, xác định giá trị, thống kê tài liệu lưu trữ
2.3	Xử lý tài liệu hết giá trị
2.4	Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ
2.5	Tổ chức giải mật tài liệu lưu trữ
2.6	Tổ chức sưu tầm tài liệu lưu trữ quý hiếm
2.7	Lập danh mục tài liệu hạn chế sử dụng của một phòng lưu trữ

3	Dịch vụ sử dụng tài liệu lưu trữ
3.1	Công bố, giới thiệu tài liệu lưu trữ, biên soạn và xuất bản phẩm từ tài liệu lưu trữ
3.2	Tổ chức trưng bày, triển lãm tài liệu lưu trữ
3.3	Tổ chức phục vụ độc giả nghiên cứu, sử dụng tài liệu tại phòng đọc
4	Dịch vụ công ích Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung